

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KĨ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ BA KHOA TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

TRẦN THỊ LỆ DUNG*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Sử dụng phương pháp định lượng với mẫu 125 sinh viên, nghiên cứu xây dựng mô hình tổng hợp dựa trên bốn lí thuyết nền: Lí thuyết nhận thức xã hội, Lí thuyết tự quyết, Lí thuyết năng lực ngôn ngữ và Lí thuyết học kĩ năng. Năm biến độc lập được xem xét bao gồm động lực học tập, vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, thói quen luyện tập, và tự tin khi viết. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội cho thấy mô hình giải thích 63,9% sự biến thiên của kĩ năng viết. Tất cả năm yếu tố đều có tác động tích cực có ý nghĩa thống kê, trong đó vốn từ vựng có ảnh hưởng mạnh nhất ($\beta = .335$), tiếp theo là động lực học tập ($\beta = .253$), thói quen luyện tập ($\beta = .203$), tự tin khi viết ($\beta = .176$), và kiến thức ngữ pháp ($\beta = .156$). Nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy kĩ năng viết tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

TỪ KHÓA: Kĩ năng viết tiếng Anh; vốn từ vựng; động lực học tập; thói quen luyện tập; sinh viên đại học.

NHẬN BÀI: 18/03/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 09/09/2026

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu trong nhiều lĩnh vực. Tại Việt Nam, việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên đại học không chỉ là yêu cầu của chương trình đào tạo mà còn là nhu cầu cấp thiết để cạnh tranh trên thị trường lao động. Trong bốn kĩ năng tiếng Anh cơ bản, kĩ năng viết được xem là một trong những kĩ năng khó nhất đối với người học ngoại ngữ (Nunan, 1999). Viết đòi hỏi người viết phải có vốn từ vựng phong phú, kiến thức ngữ pháp vững chắc, khả năng tư duy logic và kĩ năng tổ chức ý tưởng mạch lạc (Byrne, 1988).

Tại Trường Đại học Mở Hà Nội, nhiều sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc phát triển kĩ năng viết. Phạm Mai Lan (2022) đã chỉ ra rằng sinh viên năm thứ nhất Khoa Kinh tế mắc phải 548 lỗi trong các bài viết đoạn văn, bao gồm lỗi ngữ pháp (64,6%), lỗi từ vựng (25,73%), và lỗi diễn đạt (9,67%). Các nguyên nhân chính bao gồm kiến thức ngữ pháp và từ vựng chưa vững, ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, và thiếu thói quen luyện tập viết thường xuyên.

Nghiên cứu quốc tế đã xác định nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng viết tiếng Anh. Pajares (2003) khẳng định rằng niềm tin của sinh viên vào khả năng viết ảnh hưởng trực tiếp đến động lực và kết quả viết. Sun và Wang (2020) cho thấy cả tự tin khi viết và chiến lược tự học đều có tác động tích cực đến năng lực viết của sinh viên Trung Quốc. Lee (2020) xác định kiến thức ngữ pháp là yếu tố dự báo mạnh cho năng lực viết của học sinh Hàn Quốc.

Tuy nhiên, vốn từ vựng - một yếu tố nền tảng của kĩ năng viết - vẫn chưa được nghiên cứu có hệ thống trong bối cảnh sinh viên đại học Việt Nam. Thói quen luyện tập viết cũng chưa được khám phá đầy đủ, mặc dù Phạm Mai Lan (2022) đã xác định "luyện viết ít" là một nguyên nhân chính dẫn đến lỗi viết. Hơn nữa, hầu hết các nghiên cứu được thực hiện tại Đông Bắc Á (Sun & Wang, 2020; Lee, 2020; Woodrow, 2011), trong khi bối cảnh Việt Nam, đặc biệt tại các trường đại học mở, vẫn còn thiếu hụt nghiên cứu thực nghiệm.

*TS; Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: tranledung1975@hou.edu.vn

Nghiên cứu này nhằm lấp các khoảng trống trên bằng cách xây dựng mô hình nghiên cứu tổng hợp xem xét đồng thời năm yếu tố: động lực học tập, vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp, thói quen luyện tập, và tự tin khi viết - đối với kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả nghiên cứu sẽ đóng góp vào lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng viết và cung cấp gợi ý thực tiễn cho việc cải thiện chất lượng giảng dạy tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Lý thuyết nhận thức xã hội

Lý thuyết nhận thức xã hội của Bandura (1986) giải thích quá trình học tập thông qua sự tương tác giữa ba yếu tố: nhận thức cá nhân, hành vi và môi trường. Một khái niệm trung tâm trong lý thuyết này là tự tin (self-efficacy), được định nghĩa là niềm tin của cá nhân vào khả năng thực hiện thành công một nhiệm vụ cụ thể (Bandura, 1997). Pajares (2003) đã áp dụng khái niệm này vào lĩnh vực viết và khẳng định rằng tự tin khi viết ảnh hưởng mạnh mẽ đến động lực viết, sự kiên trì và kết quả viết của người học. Sun và Wang (2020) cũng chứng minh rằng tự tin khi viết có tương quan dương đáng kể với năng lực viết của sinh viên đại học Trung Quốc. Do đó, lý thuyết này cung cấp cơ sở cho việc xem xét tự tin khi viết như một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên.

2.1.2. Lý thuyết tự quyết

Lý thuyết tự quyết của Deci và Ryan (1985) giải thích động lực học tập thông qua ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tự chủ (autonomy), năng lực (competence) và liên kết (relatedness). Động lực được phân thành động lực nội tại - xuất phát từ sự thích thú bản thân, và động lực ngoại tại - xuất phát từ phần thưởng hoặc áp lực bên ngoài (Ryan & Deci, 2000). Trong bối cảnh học ngoại ngữ, động lực đóng vai trò then chốt trong việc duy trì nỗ lực của người học (Dörnyei, 2005). Gardner (1985) trong mô hình động lực xã hội giáo dục đã phân biệt giữa động lực hòa nhập và động lực công cụ. Lee (2020) chỉ ra rằng động lực nhận thức có tác động đáng kể đến kết quả viết của học sinh Hàn Quốc, cho thấy vai trò quan trọng của động lực học tập trong việc phát triển kỹ năng viết.

2.1.3. Lý thuyết năng lực ngôn ngữ

Canale và Swain (1980) đề xuất mô hình năng lực giao tiếp bao gồm bốn thành phần, trong đó năng lực ngữ pháp được xem là nền tảng, bao gồm kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và các quy tắc ngôn ngữ. Đối với kỹ năng viết, kiến thức ngữ pháp và vốn từ vựng là hai yếu tố không thể thiếu. Phạm Mai Lan (2022) phát hiện rằng lỗi ngữ pháp chiếm 64,6% và lỗi từ vựng chiếm 25,73% tổng số lỗi trong bài viết của sinh viên tại Trường Đại học Mở Hà Nội, trong đó các lỗi phổ biến nhất bao gồm sai cấu trúc câu (26,55%), sai giới từ (16,1%), và lỗi chính tả (51,77% trong nhóm lỗi từ vựng). Những phát hiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao kiến thức ngữ pháp và vốn từ vựng.

Lee (2020) đã chứng minh thông qua mô hình cấu trúc (SEM) rằng kiến thức ngữ pháp là yếu tố dự báo quan trọng thứ hai đối với năng lực viết của học sinh Hàn Quốc. Nation (2013) chỉ ra rằng vốn từ vựng không chỉ ảnh hưởng đến khả năng hiểu mà còn tác động trực tiếp đến khả năng sản xuất ngôn ngữ, trong đó có viết. Laufer và Nation (1995) đề xuất rằng người học cần có ít nhất 3,000 từ vựng cơ bản để có thể viết ở mức độ cơ bản, và 5,000-8,000 từ để viết ở mức độ học thuật.

2.1.4. Lý thuyết học kỹ năng

Lý thuyết học kỹ năng của DeKeyser (2007) giải thích quá trình phát triển kỹ năng ngôn ngữ thông qua ba giai đoạn: giai đoạn nhận thức, giai đoạn liên kết và giai đoạn tự động hóa. Kiến thức ngôn ngữ ban đầu ở dạng tường minh cần được chuyển hóa thành kiến thức thủ tục thông qua thực hành lặp đi lặp lại. Anderson (2000) cũng nhấn mạnh vai trò của thực hành trong việc tự động hóa kỹ năng. Đối với kỹ năng viết, việc luyện tập thường xuyên giúp người học quen thuộc với các cấu trúc, từ vựng và cách tổ chức ý tưởng, từ đó viết nhanh hơn và chính xác hơn.

Phạm Mai Lan (2022) đã chỉ ra "luyện viết ít" là một trong sáu nguyên nhân chính dẫn đến lỗi viết của sinh viên, và đề xuất sinh viên cần "tăng cường hoạt động luyện viết" để cải thiện kỹ năng. Vũ Diệu Thúy và Lê Thị Thu Vân (2025) chứng minh rằng việc thực hành viết thường xuyên thông qua nền tảng Padlet đã giúp sinh viên năm nhất Khoa tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội cải thiện đáng kể kỹ năng viết thư, với tỉ lệ sinh viên đạt mức khá, giỏi tăng từ 41,9% lên 62,9%. Điều này cho thấy thói quen luyện tập có vai trò quan trọng trong nâng cao kỹ năng viết.

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên cơ sở lý thuyết nền và các nghiên cứu thực nghiệm trước đây, nghiên cứu này đề xuất mô hình nghiên cứu bao gồm năm biến độc lập tác động đến một biến phụ thuộc là kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. 05 biến độc lập gồm: (1) Động lực học tập (Learning Motivation - LM), dựa trên Lý thuyết tự quyết của Deci và Ryan (1985); (2) Vốn từ vựng (Vocabulary Knowledge - VK) và (3) Kiến thức ngữ pháp (Grammar Knowledge - GK), dựa trên Lý thuyết Năng lực Ngôn ngữ của Canale và Swain (1980); (4) Thói quen luyện tập (Practice Habits - PH), dựa trên Lý thuyết Học kỹ năng của DeKeyser (2007); và (5) Tự tin khi viết (Self-Efficacy in Writing - SE), dựa trên Lý thuyết Nhận thức Xã hội của Bandura (1986). Có thể tổng hợp như sau:

Các nhân tố tác động đến kỹ năng viết tiếng Anh	
Biến độc lập	Biến phụ thuộc
1. Động lực học tập (LM)	Kỹ năng viết tiếng Anh (EWS)
2. Vốn từ vựng	
3. Kiến thức ngữ pháp (GK)	
4. Thói quen học tập (PH)	
5. Tự tin khi viết (SE)	

2.3. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên các lý thuyết nền và bằng chứng thực nghiệm từ các nghiên cứu trước, nghiên cứu này đề xuất năm giả thuyết tác động tích cực đến kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

H1: Động lực học tập: Giả thuyết này dựa trên Lý thuyết tự quyết (Deci & Ryan, 1985) và bằng chứng từ Lee (2020) cho thấy động lực có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả viết.

H2: Vốn từ vựng: Giả thuyết này dựa trên Lý thuyết năng lực ngôn ngữ (Canale & Swain, 1980) và nghiên cứu của Nation (2013) về vai trò của từ vựng trong sản xuất ngôn ngữ. Phạm Mai Lan (2022) đã chỉ ra lỗi từ vựng chiếm 25,73% tổng số lỗi, nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn từ vựng đối với kỹ năng viết.

H3: Kiến thức ngữ pháp: Giả thuyết này dựa trên Lý thuyết năng lực Ngôn ngữ (Canale & Swain, 1980) và được củng cố bởi nghiên cứu của Lee (2020) chứng minh ngữ pháp là yếu tố dự báo quan trọng thứ hai đối với năng lực viết. Phạm Mai Lan (2022) cũng phát hiện lỗi ngữ pháp chiếm tỷ lệ cao nhất (64,6%) trong bài viết của sinh viên.

H4: Thói quen luyện tập: Giả thuyết này dựa trên Lý thuyết Học kỹ năng (DeKeyser, 2007) và bằng chứng từ Vũ Diệu Thúy và Lê Thị Thu Vân (2025) cho thấy thực hành thường xuyên cải thiện đáng kể kỹ năng viết.

H5: Tự tin khi viết: Giả thuyết này dựa trên Lý thuyết Nhận thức Xã hội (Bandura, 1986) và được hỗ trợ bởi nghiên cứu của Pajares (2003) và Sun và Wang (2020) chứng minh tự tin có tác động tích cực đến kết quả viết.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định lượng với thiết kế nghiên cứu mô tả tương quan nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Đối tượng khảo sát là 125 sinh viên năm thứ ba đang theo học tại Khoa tiếng Anh, được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Công cụ thu thập dữ liệu là bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế dựa trên các thang đo đã được kiểm chứng trong các nghiên cứu trước đây, được thu thập thông qua hai hình thức: khảo sát trực tiếp tại lớp học và khảo sát trực tuyến. Bảng câu hỏi bao gồm hai phần chính: Thông tin nhân khẩu học và đo lường các biến nghiên cứu bằng thang đo Likert 5 mức độ. Dữ liệu thu thập được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0. Các phương pháp phân tích được sử dụng bao gồm: thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha ($\alpha \geq 0.7$), phân tích tương quan Pearson, và phân tích hồi quy tuyến tính bội để xác định mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập đến kỹ năng viết tiếng Anh và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

4.1.1. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha (Bảng 1) cho thấy tất cả các thang đo đều đạt độ tin cậy tốt với hệ số $\alpha > 0.85$. Cụ thể, thang đo Vốn từ vựng (VK) có độ tin cậy cao nhất ($\alpha = .908$), tiếp theo là Tự tin khi viết (SE, $\alpha = .883$), Động lực học tập (LM, $\alpha = .855$), Kiến thức ngữ pháp (GK, $\alpha = .854$), và Thói quen luyện tập (PH, $\alpha = .853$). Điều này chứng tỏ các công cụ đo lường trong nghiên cứu có tính nhất quán nội tại cao và phù hợp để tiến hành các phân tích tiếp theo.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo

Biến	Ký hiệu	Số items	Cronbach's Alpha	Đánh giá
Vốn từ vựng	VK	4	.908	Rất tốt
Tự tin khi viết	SE	5	.883	Tốt
Động lực học tập	LM	5	.855	Tốt
Kiến thức ngữ pháp	GK	4	.854	Tốt
Thói quen luyện tập	PH	5	.853	Tốt

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025

4.1.2. Phân tích tương quan

Bảng 2 trình bày ma trận tương quan Pearson giữa các biến trong mô hình nghiên cứu. Kết quả cho thấy tất cả năm biến độc lập đều có tương quan dương có ý nghĩa thống kê với Kỹ năng viết tiếng Anh (EWS) ở mức $p < .01$. Vốn từ vựng (VK) có mối tương quan mạnh nhất với EWS ($r = .629^{**}$), tiếp theo là Động lực học tập (LM, $r = .569^{**}$), Thói quen luyện tập (PH, $r = .539^{**}$), Tự tin khi viết (SE, $r = .537^{**}$), và Kiến thức ngữ pháp (GK, $r = .520^{**}$). Các hệ số tương quan giữa các biến độc lập dao động từ .330** đến .477**, cho thấy không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng.

Bảng 2. Ma trận tương quan Pearson giữa các biến

Biến	EWS	VK	LM	GK	PH	SE
EWS	1					
VK	.629*	1				
LM	.569*	.367*	1			
GK	.520*	.378*	.344*	1		
PH	.539*	.414*	.333*	.330*	1	
SE	.537*	.331*	.411*	.477*	.355*	1

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025

4.1.3. Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Phân tích hồi quy tuyến tính bội được thực hiện để kiểm định ảnh hưởng của năm biến độc lập đến Kỹ năng viết tiếng Anh. Kết quả cho thấy mô hình có sức mạnh giải thích tốt với $R^2 = .639$, nghĩa là 63,9% sự biến thiên của kỹ năng viết được giải thích bởi năm yếu tố trong mô hình ($\text{Adjusted } R^2 = .624$). Kiểm định F cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê ($F = 42.179, p < .001$).

Bảng 3 trình bày kết quả chi tiết của phân tích hồi quy. Tất cả năm biến độc lập đều có tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến kỹ năng viết ($p < .05$). Vốn từ vựng (VK) có ảnh hưởng mạnh nhất ($\beta = .335, p < .001$), tiếp theo là Động lực học tập (LM, $\beta = .253, p < .001$), Thói quen luyện tập (PH, $\beta = .203, p = .002$), Tự tin khi viết (SE, $\beta = .176, p = .010$), và Kiến thức ngữ pháp (GK, $\beta = .156, p = .020$). Do đó, cả năm giả thuyết H1, H2, H3, H4 và H5 đều được chấp nhận.

Bảng 3. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

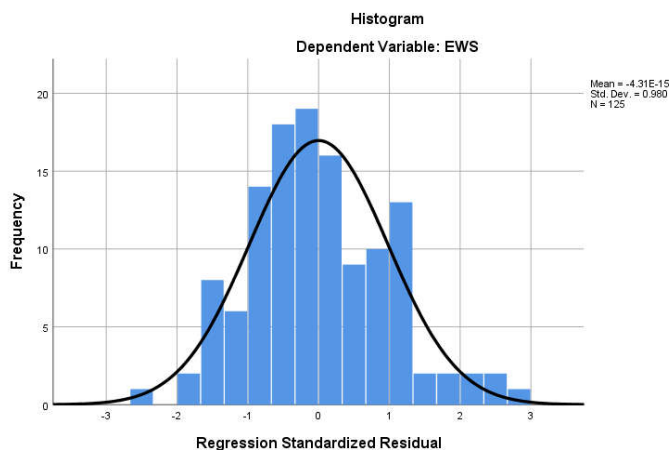
Coefficients ^a								
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	.342	.234		1.464	.146		
	VK	.247	.048	.335	5.185	.000	.727	1.376
	LM	.215	.054	.253	3.970	.000	.747	1.339
	GK	.118	.050	.156	2.365	.020	.700	1.428
	PH	.179	.056	.203	3.192	.002	.752	1.330
	SE	.138	.052	.176	2.634	.010	.678	1.475

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025

Ghi chú: $R^2 = .639$; $\text{Adjusted } R^2 = .624$; $F(5, 119) = 42.179, p < .001$

4.1.4. Đánh giá độ phù hợp của mô hình

Hình 1 trình bày biểu đồ phân phối của phần dư chuẩn hóa, cho thấy phân phối tuân theo đường cong chuẩn với giá trị trung bình gần bằng 0 ($\text{Mean} = -4.31\text{E-}15$) và độ lệch chuẩn xấp xỉ 1 ($\text{Std. Dev.} = 0.980$). Điều này chứng tỏ mô hình hồi quy đáp ứng tốt giả định về phân phối chuẩn của phần dư. Hơn nữa, hệ số Durbin-Watson = 1.907 (nằm trong khoảng 1.5-2.5) cho thấy không có hiện tượng tự tương quan giữa các phần dư. Các giá trị VIF đều nhỏ hơn 2 và Tolerance đều lớn hơn 0.6, khẳng định không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng trong mô hình.



Hình 2. Biểu đồ phân phối chuẩn của phần dư chuẩn hóa

*Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025

4.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu đã xác nhận vai trò quan trọng của cả năm yếu tố đối với kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội, với mô hình giải thích được 63,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Mức độ giải thích này cao hơn so với nghiên cứu của Lee (2020) tại Hàn Quốc (62,7%), cho thấy mô hình nghiên cứu phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Vốn từ vựng nổi lên như yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất ($\beta = .335$), phù hợp với Lý thuyết Năng lực Ngôn ngữ của Canale và Swain (1980) và nghiên cứu của Nation (2013). Kết quả này giải thích tại sao sinh viên trong nghiên cứu của Phạm Mai Lan (2022) mắc tới 25,73% lỗi từ vựng, đặc biệt là lỗi chính tả (51,77%). Vốn từ vựng không chỉ cung cấp "nguyên liệu" để diễn đạt ý tưởng mà còn giúp sinh viên tránh lặp từ và nâng cao tính học thuật của bài viết. Điều thú vị là tầm quan trọng của từ vựng trong nghiên cứu này cao hơn so với kiến thức ngữ pháp, khác với phát hiện của Lee (2020), có thể do sinh viên Việt Nam thường được đào tạo ngữ pháp nhiều hơn nhưng lại thiếu cơ hội thực hành sử dụng từ vựng trong ngữ cảnh viết.

Động lực học tập được xác định là yếu tố quan trọng thứ hai ($\beta = .253$), hỗ trợ Lý thuyết Tự quyết của Deci và Ryan (1985). Kết quả này nhất quán với nghiên cứu của Lee (2020) và Dörnyei (2005) về vai trò của động lực trong việc duy trì nỗ lực học ngoại ngữ. Sinh viên có động lực cao sẽ chủ động tìm kiếm cơ hội luyện tập, không ngại phạm sai lầm, và kiên trì cải thiện kỹ năng viết của mình.

Thói quen luyện tập ($\beta = .203$) đứng thứ ba, củng cố Lý thuyết Học kỹ năng của DeKeyser (2007) về vai trò của thực hành lặp đi lặp lại trong việc tự động hóa kỹ năng. Phát hiện này giải thích tại sao can thiệp của Vũ Diệu Thúy và Lê Thị Thu Vân (2025) thông qua thực hành viết thường xuyên trên Padlet đã cải thiện đáng kể kỹ năng viết của sinh viên. Việc luyện tập thường xuyên giúp sinh viên quen thuộc với cấu trúc bài viết, phát triển phong cách riêng, và giảm thiểu lỗi sai.

Tự tin khi viết ($\beta = .176$) và Kiến thức ngữ pháp ($\beta = .156$) cũng có tác động đáng kể. Kết quả về tự tin khi viết phù hợp với Lý thuyết Nhận thức Xã hội của Bandura (1986) và nghiên cứu của Pajares (2003), Sun và Wang (2020). Sinh viên tự tin sẽ dám thử nghiệm với các cấu trúc phức tạp hơn và ít lo lắng về việc phạm lỗi. Vai trò tương đối khiêm tốn của kiến thức ngữ pháp ($\beta = .156$) có thể phản ánh thực tế rằng sinh viên năm thứ ba đã có nền tảng ngữ pháp khá vững, do đó yếu tố này ít phân biệt hơn so với các yếu tố khác. Tuy nhiên, nghiên cứu của Phạm Mai Lan (2022) cho thấy lỗi ngữ pháp vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất (64.6%), nhấn mạnh rằng kiến thức ngữ pháp vẫn cần được chú trọng, đặc biệt ở các năm đầu.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định thành công mô hình nghiên cứu tổng hợp về các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ ba Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả cho thấy cả năm yếu tố - Vốn từ vựng, Động lực học tập, Thói quen luyện tập, Tự tin khi viết, và Kiến thức ngữ pháp - đều có tác động tích cực có ý nghĩa thống kê đến kỹ năng viết, với mô hình giải thích được 63,9% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Vốn từ vựng được xác định là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp theo là động lực học tập và thói quen luyện tập. Nghiên cứu đã lấp đầy khoảng trống trong văn hiến về các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng viết trong bối cảnh sinh viên đại học Việt Nam, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm về vai trò của vốn từ vựng và thói quen luyện tập - hai yếu tố chưa được khám phá đầy đủ trong các nghiên cứu trước tại Việt Nam.

Khuyến nghị:

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng viết tại Trường Đại học Mở Hà Nội.

Thứ nhất, cần tăng cường giảng dạy từ vựng học thuật một cách có hệ thống. Giảng viên nên tích hợp các hoạt động học từ vựng trong ngữ cảnh viết, sử dụng các công cụ như Academic Word List và Corpus-based vocabulary. Sinh viên cần được khuyến khích xây dựng danh sách từ vựng theo chủ đề và áp dụng ngay vào bài viết của mình.

Thứ hai, nâng cao động lực học tập thông qua việc thiết kế các bài tập viết gần gũi với sở thích và nhu cầu thực tế của sinh viên. Giảng viên có thể áp dụng phương pháp học tập chủ động, cho phép

sinh viên tự chọn chủ đề viết, và cung cấp phản hồi kịp thời, mang tính xây dựng để duy trì động lực học tập.

Thứ ba, khuyến khích thói quen luyện tập viết thường xuyên bằng cách yêu cầu sinh viên viết nhật ký tiếng Anh, tham gia các diễn đàn viết trực tuyến, hoặc sử dụng các nền tảng như Padlet (như nghiên cứu của Vũ Diệu Thúy và Lê Thị Thu Vân, 2025). Nhà trường có thể tổ chức các câu lạc bộ viết hoặc cuộc thi viết để tạo môi trường thực hành.

Thứ tư, xây dựng tự tin khi viết thông qua việc tạo môi trường học tập an toàn, nơi sinh viên không sợ phạm lỗi. Giảng viên nên tập trung vào các điểm mạnh của sinh viên trước khi chỉ ra lỗi sai, đồng thời cung cấp các mẫu bài viết tốt để sinh viên học hỏi.

Cuối cùng, mặc dù kiến thức ngữ pháp có mức độ ảnh hưởng thấp nhất, việc củng cố ngữ pháp trong ngữ cảnh viết vẫn cần thiết, đặc biệt là các cấu trúc câu phức và sử dụng giới từ - những lỗi phổ biến được xác định bởi Phạm Mai Lan (2022). Việc giảng dạy ngữ pháp nên gắn liền với thực hành viết thay vì chỉ dạy lý thuyết riêng lẻ.

Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo:

Nghiên cứu này có một số hạn chế. Thứ nhất, phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn ở sinh viên năm thứ ba tại một trường đại học, do đó kết quả chưa thể khái quát hóa cho toàn bộ sinh viên đại học Việt Nam. Thứ hai, nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với dữ liệu tự báo cáo, có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng mẫu nghiên cứu ra nhiều trường đại học, kết hợp phương pháp định tính để hiểu sâu hơn về cơ chế tác động của các yếu tố, và sử dụng đánh giá thực tế kỹ năng viết thay vì tự đánh giá. Ngoài ra, nghiên cứu dọc có thể được thực hiện để theo dõi sự phát triển kỹ năng viết của sinh viên qua thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Phạm Mai Lan (2022), “Một số biện pháp khắc phục lỗi trong viết đoạn văn tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất Khoa Kinh tế, Trường Đại học Mở Hà Nội”. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội*, 97(11), 1-12.
2. Vũ Đình Tường & Lê Thị Thanh Vân (2025), “Sử dụng Padlet để nâng cao kỹ năng viết thư cho sinh viên năm thứ nhất Khoa Tiếng Anh Trường Đại học Mở Hà Nội”. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội*, tr.134-140.

Tiếng Anh

3. Anderson, J. R. (2000), *Learning and memory: An integrated approach* (2nd ed.). John Wiley & Sons.
4. Bandura, A. (1986), *Social foundations of thought and action: A social cognitive theory*. Prentice-Hall.
5. Bandura, A. (1997), *Self-efficacy: The exercise of control*. W. H. Freeman and Company.
6. Byrne, D. (1988). *Teaching writing skills* (New ed.). Longman.
7. Canale, M., & Swain, M. (1980), Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. *Applied Linguistics*, 1(1), 1-47.
8. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985), *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. Plenum Press.
9. DeKeyser, R. M. (2007), Skill acquisition theory. In B. VanPatten & J. Williams (Eds.), *Theories in second language acquisition: An introduction* (pp. 97-113). Lawrence Erlbaum Associates.
10. Dörnyei, Z. (2005), *The psychology of the language learner: Individual differences in second language acquisition*. Lawrence Erlbaum Associates.
11. Gardner, R. C. (1985), *Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation*. Edward Arnold.
12. Gardner, R. C. (1985), *Social psychology and second language learning: The role of attitudes and motivation*. Edward Arnold.

13. Laufer, B., & Nation, P. (1995), Vocabulary size and use: Lexical richness in L2 written production. *Applied Linguistics*, 16(3), 307-322.
14. Lee, J. (2020), Effects of linguistic and affective variables on middle school students' writing performance in the context of English as a foreign language: An approach using structural equation modeling. *Reading and Writing*, 33(5), 1235-1262.
15. Nation, I. S. P. (2013), *Learning vocabulary in another language* (2nd ed.). Cambridge University Press.
16. Nunan, D. (1999), *Second language teaching & learning*. Heinle & Heinle.
17. Pajares, F. (2003), Self-efficacy beliefs, motivation, and achievement in writing: A review of the literature. *Reading and Writing Quarterly*, 19(2), 139-158.
18. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist*, 55(1), 68-78.
19. Sun, T., & Wang, C. (2020), College students' writing self-efficacy and writing self-regulated learning strategies in learning English as a foreign language. *System*, 90, Article 102221.

Factors influencing English writing skills of the third-year English-Major students at Hanoi Open University

Abstract: This study identifies factors influencing English writing skills of third-year students in the Faculty of English, Hanoi Open University. Using a quantitative method with a sample of 125 students, the research develops a comprehensive model based on four foundational theories: Social Cognitive Theory, Self-Determination Theory, Linguistic Competence Theory, and Skill Acquisition Theory. Five independent variables examined include learning motivation, vocabulary knowledge, grammar knowledge, practice habits, and writing self-efficacy. Results from multiple linear regression analysis show that the model explains 63.9% of the variance in writing skills. All five factors have statistically significant positive effects, with vocabulary knowledge having the strongest influence ($\beta = .335$), followed by learning motivation ($\beta = .253$), practice habits ($\beta = .203$), writing self-efficacy ($\beta = .176$), and grammar knowledge ($\beta = .156$). The study proposes policy implications aimed at improving the quality of writing instruction at Hanoi Open University.

Key words: English writing skills; vocabulary knowledge; learning motivation; practice habits; university students.